

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ QUẢNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HS-ST
Ngày 14-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Long Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lê Đại Tiến

Ông: Lý Đức Thà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đàm Nhật Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 6 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. La Văn P, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1993; nơi sinh, nơi cư trú: Xóm N, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Hải T (đã chết) và bà La Thị L; có vợ là Vi Thu H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

2. Nông Văn G, sinh ngày 24 tháng 01 năm 1996; nơi sinh, nơi cư trú: Xóm N, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H (đã chết) và bà Nông Thị T; vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

3. La Văn L, sinh ngày 03 tháng 7 năm 1997; nơi sinh, nơi cư trú: Xóm B, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn Q và bà Lý Thị T; có vợ là Nông Thị Q và 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

4. Vương Văn Đ, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1985; nơi sinh, nơi cư trú: Xóm N, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn S và bà Bé Thị D; có vợ là Triệu Thị D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

5. Sùng Văn B, sinh ngày 04 tháng 6 năm 1997; nơi sinh, nơi cư trú: Xóm N, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Văn S và bà Hoàng Thị M; có vợ là Lý Thị D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

6. La Văn T, sinh ngày 03 tháng 5 năm 1994; nơi sinh, nơi cư trú: Xóm B, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn H và bà Nông Thị T; có vợ là Lưu Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo La Văn P, Sùng Văn B, La Văn T, Nông Văn G, La Văn L, Vương Văn Đ bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-5-2021 cho đến ngày 28-6-2021. Sau đó các bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” và được tại ngoại từ đó đến nay; đều có mặt.

7. La Văn S, sinh ngày 04 tháng 9 năm 1983; nơi sinh, nơi cư trú: Xóm B, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Hải T (đã chết) và bà La Thị L; vợ: Không (có 01 vợ, đã ly hôn); con: 02 con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Buôn lậu” (Bản án số 02/2016/HSST ngày 09-5-2016), đã được xóa án tích.

Bị cáo La Văn S bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20-5-2021 cho đến ngày 18-7-2021. Sau đó Bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” và được tại ngoại từ đó đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vương Văn Đ, Nông Văn G, Sùng Văn B, La Văn L:* Bà Hà Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo La Văn S, La Văn P, La Văn T:* Ông Bé Văn B, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 19-5-2021, La Văn T, La Văn P, Sùng Văn B cùng nhau đến chơi với S và uống rượu tại nhà La Văn S ở xóm B, xã Q, huyện H, Cao Bằng. Đến khoảng 22 giờ 30’, khi đang nói chuyện phiếm, thì cả bốn người cùng rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức xóc đĩa. Sau khi cùng thống nhất đánh bạc, P là người dùng kéo cắt quân vị từ bộ bài tú lơ khơ chất rô ở dưới tủ nhà S thành 4 quân vị hình tròn có hoa văn giống nhau, mỗi quân vị có 2 mặt, 1 mặt màu trắng đỏ (gọi là mặt trắng), 01 mặt màu xanh trắng (gọi là mặt đen). Sau đó, P chuẩn bị 01 cái bát con, 01 cái đĩa đều bằng sứ màu trắng, 03 chiếc đĩa có sẵn tại nhà S rồi xuống bếp nhà S đánh bạc. Do S còn bận cho con cái ăn cơm và chăn lợn nên các bị cáo P, T, B đánh bạc trước. Khoảng 10 phút sau, S mới vào đánh bạc cùng mọi người. Đến khoảng 23 giờ có thêm Nông Văn G, La Văn L, Vương Văn Đ lần lượt đến nhà S chơi rồi cùng tham gia đánh bạc. Hình thức các bị cáo cùng nhau chơi “xóc đĩa” với luật chơi cụ thể như sau: 04 quân vị được đặt lên trên đĩa, dùng bát con úp lại, một người trong 7 người đứng ra xóc. Sau khi xóc sẽ mở bát ra rồi dựa vào quân vị xác định kết quả chẵn, lẻ. Nếu cả 4 quân vị cùng một mặt hoặc có 2 quân vị mặt trắng, 02 quân vị mặt đen là kết quả chẵn. 03 quân vị mặt trắng hoặc 01 quân vị mặt đen hoặc ngược lại là kết quả lẻ. Trước khi mở bát để xem kết quả những người chơi sẽ tự chọn cặp để cá cược với nhau và thống nhất mức tiền cược. Ai chọn chẵn đặt tiền xuống bên có 2 chiếc đĩa, chọn lẻ đặt tiền xuống bên có 01 chiếc đĩa. Mỗi ván dựa vào kết quả khi mở bát, ai chọn đúng sẽ nhận được số tiền bằng số tiền đã cược trong ván chơi đó từ người đặt cược với mình. Các bị cáo đặt cược không cố định, tùy mức đặt cược của từng người, mỗi ván từ 5.000 đồng đến 100.000 đồng. Tổng

số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc tổng là 5.947.000 đồng (gồm: P khoảng trên 1.500.000 đồng (có lẽ thêm mấy nghìn đồng), S 300.000 đồng, B 500.000 đồng, G 1.300.000 đồng (có lẽ thêm mấy nghìn đồng), T 237.000 đồng, L 1.200.000 đồng, Đ 900.000 đồng; số tiền lẻ dư ra của các bị cáo P, G (không nhớ cụ thể) tính được 10.000 đồng).

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 00 giờ 10' ngày 20-5-2021 thì bị bắt quả tang, thu giữ công cụ chơi “xóc đĩa” và số tiền: Trên chiếu bạc 1.920.000 đồng; tại mép dưới chiếu bạc gần vị trí của La Văn P ngồi 1.200.000 đồng; thu trên người S 17.000 đồng; thu trên người G 1.900.000; thu trên người bị cáo Đ 1.631.000 đồng (vị trí cặp quần 900.000 đồng, túi sau bên phải 731.000 đồng); thu trên người B 10.000 đồng; thu trên người T 17.000 đồng; tổng số tiền tạm thu giữ là 6.695.000 đồng. Quá trình điều tra đã xác định được, số tiền thu trên người bị cáo S 17.000 đồng và thu từ túi sau bên phải của bị cáo Đ 731.000 đồng, các bị cáo đều không có mục đích dùng vào việc đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT- VKSHQ ngày 05 tháng 8 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng đã truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng trong phần tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo La Văn P, Sùng Văn B, La Văn T, Nông Văn G, La Văn L, Vương Văn Đ. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo La Văn S, xử phạt:

- + Bị cáo La Văn P, Nông Văn G, La Văn L từ 8 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

- + Bị cáo Vương Văn Đ từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

- + Bị cáo Sùng Văn B từ 06 tháng đến 08 tháng cải tạo không giam giữ;

- + Bị cáo La Văn T từ 06 tháng đến 07 tháng cải tạo không giam giữ;

Thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam của các bị cáo nêu trên là 40 (bốn mươi) ngày, được khấu trừ 120 (một trăm hai mươi) ngày vào hình phạt cho các bị cáo.

- + Bị cáo La Văn S từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; thời gian Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam là 60 (sáu mươi) ngày, được khấu trừ 180 (một trăm tám mươi) ngày vào hình phạt cho Bị cáo.

- + Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Tịch thu, tiêu hủy tang vật: 01 cái bát con, 01 cái đĩa bằng sứ màu trắng, 04 quân vị, 03 chiếc đĩa;

- + Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc 5.947.000 đồng.

- + Trả lại cho: Bị cáo S 17.000 đồng; bị cáo Đ 731.000 đồng; bị cáo L 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 6 màu bạc; bị cáo P 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG S8 PLUS; bị cáo G 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG A21 màu xanh - đen; bị cáo B 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu REDM, vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa vắng mặt gửi bản Luận cứ bào chữa cho các bị cáo La Văn S, La Văn P, La Văn T; Người bào chữa có mặt trình bày Luận cứ bào chữa cho các bị cáo: Vương Văn Đ, Nông Văn G, Sùng Văn B, La Văn L. Nội dung các bản Luận cứ bào chữa đều nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên về việc truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến việc các bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên nhận thức pháp luật của các bị cáo còn có sự hạn chế; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Ngoài bị cáo La Văn S, thì các bị cáo khác đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; riêng bị cáo La Văn S chỉ đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự. Những người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cải tạo, giáo dục tại địa phương.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và bị cáo S không hề thu phí, thu tài sản gì đối với các bị cáo trong việc chơi xóc đĩa này. Các bị cáo P, G thừa nhận số tiền lẻ dư ra của các bị cáo dùng để đánh bạc tổng cộng khoảng 10.000 đồng; bị cáo P thừa nhận, trong khi uống rượu, nói chuyện, Bị cáo có gợi ý “Hay là chơi xóc đĩa đi”, sau đó các bị cáo khác cùng rủ nhau chơi. Các bị cáo đều xác nhận lời khai của các bị cáo khai tại phiên tòa là đúng sự thật, nhất trí với các bản Luận cứ bào chữa của người bào chữa và mong được cải tạo tại địa phương để sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với toàn bộ lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, vật chứng thu được trong vụ án. Như vậy, đủ căn cứ và cơ sở kết luận vào khoảng 22 giờ ngày 19-5-2021, các bị cáo trong vụ án đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền thì bị bắt quả tang vào hồi 00^h 10' ngày 20-5-2021, với tổng số tiền dùng để đánh bạc 5.947.000 đồng. Với các vật chứng thu được, cùng với sự xác nhận của các bị cáo là những chứng cứ xác định các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận các chứng cứ do Kiểm sát viên đưa ra.

Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự nhận thức hiểu biết nhất định, nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân nhằm thu lợi bất chính nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi các bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng phạm giản đơn, phạm tội không có tổ chức, xong cũng xâm phạm trực tiếp đến trật tự trị an và nếp sống văn minh xã hội, làm ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội (số tiền dùng vào việc đánh bạc) của từng Bị cáo gây ra. Trong đó: Bị cáo P được xác định là người khơi mào việc đánh bạc, tích cực chuẩn bị các dụng cụ để đánh bạc, số tiền Bị cáo dùng vào đánh bạc nhiều nhất trong số các bị cáo. Do đó, Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với các bị cáo khác. Tiếp đến, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi của các bị cáo từ nặng đến nhẹ theo thứ tự là: G, L, Đ, B, S, T, tương ứng với số tiền của từng bị cáo tham gia vào việc đánh bạc.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các bị cáo La Văn P, Sùng Văn B, La Văn T, Nông Văn G, La Văn L, Vương Văn Đ đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trước cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đối với bị cáo S cũng không thuộc trường hợp có tiền án, tiền sự, nhưng không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì Bị cáo đã từng bị kết án về hành vi buôn lậu (mặc dù đã được xóa án tích). Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận đề nghị của Người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát về việc cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo La Văn P, Sùng Văn B, La Văn T, Nông Văn G, La Văn L, Vương Văn Đ; cho bị cáo La Văn S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

[3] Các bị cáo trong vụ án đều có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Ngoài ra, đối với bị cáo Sơn, về nhân thân đã từng bị kết án về tội buôn lậu, nhưng đã được xóa án tích gần được 02 năm, Bị cáo hiện tại là người lao động duy nhất trong gia đình trồng trọt, làm thuê để nuôi sống hai con còn nhỏ, chưa thành niên (đang theo học tại Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Trung học Cơ sở Q và Trường Tiểu học Q); vợ của bị cáo đã ly hôn với Bị cáo từ năm 2019 và không biết đi đâu, ở đâu; Bị cáo mong được cải tạo tại địa phương để có điều kiện lao động tiếp tục nuôi dưỡng các con ăn học trưởng thành. Những nội dung này đều được chính quyền địa phương và nhà trường xác nhận. Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc cho phù hợp với các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Đồng thời, cũng đảm bảo tính nhân văn và sự khoan hồng của pháp luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, những người bào chữa về việc áp dụng hình phạt nêu trên.

[4] Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo La Văn P, Sùng Văn B, La Văn T, Nông Văn G, La Văn L, Vương Văn Đ bị tạm giữ, tạm giam 40 ngày (từ ngày 20-5-2021 đến 28-6-2021), quy đổi bằng 120 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo La Văn S bị tạm giữ, tạm giam 60 ngày (từ ngày 20-5-2021 đến 18-7-2021), quy đổi bằng 180 ngày cải tạo không giam giữ. Do vậy, cần khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam đã được quy đổi, để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cho các bị cáo theo quy định.

[5] Các bị cáo đều có nghề nghiệp trồng trọt, làm ruộng là chủ yếu, thu nhập không ổn định. Do đó, Tòa miễn khấu trừ thu nhập để sung công quỹ Nhà nước và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Tuy nhiên, cần buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

[6] Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, cần xử lý vật chứng như sau:

- 01 cái bát con, 01 cái đĩa bằng sứ màu trắng, 04 quân vị (bốn miếng hình tròn),

03 chiếc đũa bằng gỗ, là công cụ dùng cho việc thực hiện tội phạm, cần tịch thu, tiêu hủy.

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định số tiền 5.947.000 đồng (thu trên chiếu bạc, dưới chiếu bạc và trên người các bị cáo) các bị cáo dùng vào việc phạm tội, là số tiền thu lợi bất chính nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Các vật chứng là tiền, tài sản (của bị cáo S 17.000 đồng; bị cáo Đ 731.000 đồng; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 6 màu bạc của bị cáo L; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG S8 PLUS của bị cáo P; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG A21 của bị cáo G; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu REDMI của bị cáo B) không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ số tiền được trả lại của các bị cáo, để bảo đảm cho việc thi hành án.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo La Văn P, Sùng Văn B, La Văn T, Nông Văn G, La Văn L và Vương Văn Đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo La Văn S.

Tuyên bố: Các bị cáo La Văn P, La Văn S, Sùng Văn B, La Văn T, Nông Văn G, La Văn L, Vương Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

+ Xử phạt bị cáo La Văn P 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thời gian Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20-5-2021 đến 28-6-2021) là 40 (bốn mươi) ngày, quy đổi bằng 120 (một trăm hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt các bị cáo Nông Văn G, La Văn L, mỗi bị cáo 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20-5-2021 đến 28-6-2021) là 40 (bốn mươi) ngày, quy đổi bằng 120 (một trăm hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo Nông Văn G, La Văn L còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn Đ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thời gian Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20-5-2021 đến 28-6-2021) là 40 (bốn mươi) ngày, quy đổi bằng 120 (một trăm hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Sùng Văn B 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thời gian Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20-5-2021 đến 28-6-2021) là 40 (bốn mươi) ngày, quy đổi bằng 120 (một trăm hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn

phải chấp hành 04 (bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo La Văn S 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thời gian Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20-5-2021 đến 18-7-2021) là 60 (sáu mươi) ngày, quy đổi bằng 180 (một trăm tám mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo La Văn T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thời gian Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20-5-2021 đến 28-6-2021) là 40 (bốn mươi) ngày, quy đổi bằng 120 (một trăm hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ, Bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Giao các bị cáo La Văn P, La Văn S, Sùng Văn B, La Văn T, Nông Văn G, La Văn L, Vương Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát các bị cáo thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này, thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án Hình sự.

2. Việc xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

- Tịch thu, tiêu hủy 01 cái bát con và 01 cái đĩa bằng sứ, màu trắng; 04 quân vị (bốn miếng hình tròn), 03 chiếc đũa bằng gỗ.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội, thu lợi bất chính là 5.947.000 đồng (Năm triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng chẵn), đựng trong các phong bì còn nguyên niêm phong.

- Trả lại cho:

+ Bị cáo La Văn L 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 6 màu bạc, trong máy gắn 01 sim số 0969848114 (số IMEI 1: 353329076150933; số IMEI 2: 354359087023289), đã qua sử dụng.

+ Bị cáo La Văn P 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG S8 PLUS, số seri: R58J522K05X (số IMEI 1: 354359087023281; số IMEI 2: 354359087023289), mặt lưng điện thoại đã bị nứt vỡ, màu vàng, đã qua sử dụng.

+ Bị cáo Nông Văn G 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG A21 màu xanh - đen (số IMEI 1: 353996321220859/01; số IMEI 2: 5542819412208 55/01), đã qua sử dụng.

+ Bị cáo Sùng Văn B 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu REDMI màu đen (số IMEI 1: 860474056794627/01; số IMEI 2: 860474056794635/01), đã qua sử dụng.

+ Bị cáo La Văn S 17.000 đồng (Mười bảy nghìn đồng chẵn), bị cáo Vương Văn Đ 731.000 đồng (Bảy trăm ba mươi một nghìn đồng chẵn), đựng trong các phong bì còn nguyên niêm phong. Tiếp tục tạm giữ số tiền được trả lại của các bị cáo, để bảo đảm cho việc thi hành án.

Xác nhận: Toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án Dân sự huyện Hà Quảng, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09 tháng 8 năm 2021.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi người 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- UBND xã Quý Quân;
- VKSND huyện Hà Quảng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS Công an H. Hà Quảng;
- Chi cục THADS huyện Hà Quảng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an H. Hà Quảng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Long Thị Thanh

